TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/DS-ST
Ngày: 18 tháng 8 năm 2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hiểu**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Tiến Lợi**
- Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Đắc Hùng** - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Mai* - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **16/2023**/TLST–DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 12/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng thương mại cổ phần S** (Ngân hàng S).

Địa chỉ trụ sở chính: đường N, Phường V, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức danh: Tổng giám đốc.

Pháp nhân được ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP S (Công ty S)

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Nguyễn Thanh H – Nhân viên Công ty S. Theo giấy ủy quyền số: 1018/2022/UQ-TGĐ ngày16/12/2022. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà **Bạch Thị Minh V**, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991. ĐKHKTT: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Việc ký kết "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" số 03241219. ngày 24/12/2020 và sử dụng thẻ tín dụng (số thẻ 472074-3648)

1. Ngày 24/12/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh H (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại cổ phần S là Ngân hàng) phê duyệt hạn mức tín dụng 80.000.000 đồng theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 do bà Bạch Thị Minh V ký xác nhận đề nghị và đứng tên chủ thẻ chính (không có chủ thẻ phụ). Ngày 26/12/2019 ngân hàng đã giao thẻ cho bà V qua phiếu yêu cầu (số thẻ 472074-3648). Ngân hàng cho bà Bạch Thị Minh V vay hạn mức vay 80.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn sử dụng thẻ 36 tháng; lãi suất cho vay 2.6%/01 tháng, lãi suất quá hạn 3.9%/01tháng. Ngân hàng đã giải ngân cả quá trình vay số tiền giao dịch qua thẻ của bà Bạch Thị Minh V là **1.291.217.250** đồng. Khoản vay này là khoản vay không có tài sản đảm bảo.

2. Việc trả nợ của bà Bạch Thị Minh V: Quá trình sử dụng thẻ tín dụng tính đến hết ngày 25/4/2023, bà Bạch Thị Minh V đã trả cho ngân hàng tổng số tiền là **1.227.611.500 đồng** (trong đó tiền gốc 1.209.105.917 đồng; tiền lãi trong hạn 16.642.948 đồng, tiền phí quá hạn 1.255.252 đồng, phí vượt hạn mức 457.883 đồng, phí thường niên 149.500 đồng. Do bà Bạch Thị Minh V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 22/11/2021.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần S đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu cụ thể như sau:

Yêu cầu bà Bạch Thị Minh V phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219. Tính đến ngày 18/8/2023 số tiền là: **152.041.863 đồng** (trong đó: Nợ gốc là 82.111.333 đồng, Nợ lãi quá hạn là 69.930.530 đồng). Kể từ ngày 19/8/2023 bà Bạch Thị Minh V còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 ngày 24/12/2020 (số thẻ 472074-3648) và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Bạch Thị Minh V nhưng bị đơn không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án.

Tại Biên bản xác minh về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ngày 20/3/2023 bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992 vẫn đăng ký HKTT tại: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội nhưng bà V vắng mặt tại đị chỉ trên, đi đâu làm gì địa phương không nắm được.

Tại Biên bản xác minh tại UBND xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội ngày 12/7/2023 xác định bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 có Đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 16/03/2012, số 58. Quyển số 01/2012. Bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 ĐKHKTT tại Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Hiện tại, bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 đã ly hôn hay chưa UBND xã không nắm được.

Tòa án đã Niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và nơi đăng ký HKTT của bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 nhưng ông T không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án.

Tại Biên bản xác minh về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ngày 20/3/2023 ông Nguyễn Đức T vẫn đăng ký HKTT tại: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội nhưng ông Nguyễn Đức T thường xuyên vắng mặt tại đị chỉ trên.

Tòa án đã Niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991. Nơi cư trú tại: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội nhưng ông Nguyễn Đức T không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ, Niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung: Ngày 24/12/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh H (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại cổ phần S là Ngân hàng) phê duyệt hạn mức tín dụng 80.000.000 đồng theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 do bà Bạch Thị Minh V ký xác nhận đề nghị và đứng tên chủ thẻ chính (không có chủ thẻ phụ). Ngày 26/12/2019 ngân hàng đã giao thẻ cho bà V qua phiếu yêu cầu (số thẻ 472074-3648). Ngân hàng cho bà Bạch Thị Minh V vay hạn mức vay 80.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân; thời hạn sử dụng thẻ 36 tháng; lãi suất cho vay 2.6%/01 tháng, lãi suất quá hạn 3.9%/01tháng. Khoản vay này là khoản vay không có tài sản đảm bảo. Do bà Bạch Thị Minh V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 22/11/2021.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc bà Bạch Thị Minh V phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày 18/8/2023 số tiền là: **152.041.863 đồng** (trong đó: Nợ gốc là 82.111.333 đồng, Nợ lãi quá hạn là 69.930.530 đồng). Kể từ ngày 19/8/2023 bà Bạch Thị Minh V còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 ngày 24/12/2020 (số thẻ 472074-3648) và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngày 24/12/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh H (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại cổ phần S là Ngân hàng) phê duyệt hạn mức tín dụng 80.000.000 đồng theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 do bà Bạch Thị Minh V ký xác nhận đề nghị và đứng tên chủ thẻ chính (không có chủ thẻ phụ). Do bà Bạch Thị Minh V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 22/11/2021. Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bà Bạch Thị Minh V tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội yêu cầu buộc bà Bạch Thị Minh V trả nợ gốc và lãi quá hạn. Đây là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn, có lãi. Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

[1.2]. Tại phiên tòa ngày 31/7/2023, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Bạch Thị Minh V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T đã được Toà án triệu tập hợp lệ, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, Niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 173, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

[2.1]. Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi quá hạn:

Hội đồng xét xử xét thấy, Ngày 24/12/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh H (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại cổ phần S là Ngân hàng) phê duyệt hạn mức tín dụng 80.000.000 đồng theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 do bà Bạch Thị Minh V ký xác nhận đề nghị và đứng tên chủ thẻ chính (không có chủ thẻ phụ). Ngày 26/12/2019 ngân hàng đã giao thẻ cho bà V qua phiếu yêu cầu (số thẻ 472074-3648). Ngân hàng cho bà Bạch Thị Minh V vay hạn mức vay 80.000.000 đồng để tiêu dùng cá

nhân; thời hạn sử dụng thẻ 36 tháng; lãi suất cho vay 2.6%/01 tháng, lãi suất quá hạn 3.9%/01tháng. Khoản vay này là khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cả quá trình vay số tiền giao dịch qua thẻ của bà Bạch Thị Minh V là **1.291.217.250** đồng. Tính đến hết ngày 25/4/2023, bà Bạch Thị Minh V đã trả cho ngân hàng tổng số tiền là **1.227.611.500 đồng**, trong đó: tiền gốc 1.209.105.917 đồng; tiền lãi trong hạn 16.642.948 đồng; tiền phí quá hạn 1.255.252 đồng; phí vượt hạn mức 457.883 đồng; phí thường niên 149.500 đồng. Do bà Bạch Thị Minh V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 22/11/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tại Biên bản xác minh tại UBND xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội ngày 12/7/2023 xác định bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 có Đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 16/03/2012, số 58. Quyển số 01/2012. Bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 ĐKHKTT tại Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Hiện tại, bà Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 đã ly hôn hay chưa UBND xã không nắm được. Ông Nguyễn Đức T người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng nên không có ý kiến về việc nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân. Ngân hàng thương mại cổ phần S xác định bà Bạch Thị Minh V là người ký *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 ngày 24/12/2019 và là Chủ thẻ chính (không có chủ thẻ phụ) nên yêu cầu bà Bạch Thị Minh V với tư cách cá nhân phải trả nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xác định, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, lãi suất vay, nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi ghi trong *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc buộc bà Bạch Thị Minh V phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S khoản nợ tính đến hết ngày 18/8/2023 số tiền là: **152.041.863 đồng**, trong đó: Nợ gốc là 82.111.333 đồng; nợ lãi quá hạn là 69.930.530 đồng được chấp nhận. Kể từ ngày 19/8/2023 bà Bạch Thị Minh V còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219, Ngày hợp đồng 24/12/2020 (số thẻ 472074-3648) và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận, nên căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, bà Bạch Thị Minh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.602.093 đồng (Bảy triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm chín ba đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần S đ□ợc hoàn lại tiền tạm ứng án

phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 146, Điều 147, Đ iều 173, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Bạch Thị Minh V.

Buộc bà Bạch Thị Minh V phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến hết ngày 18/8/2023 là: **152.041.863 đồng** (Một trăm năm mươi hai triệu không trăm bốn mốt nghìn tám trăm sáu ba đồng), gồm:

Tiền nợ gốc là: 82.111.333 đồng (Tám mươi hai triệu một trăm mười một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

Tiền nợ lãi quá hạn là: 69.930.530 đồng (Sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn năm trăm ba mươi đồng);

Kể từ ngày 19/8/2023 bà Bạch Thị Minh V còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng"* số 03241219, Ngày hợp đồng 24/12/2020 (số thẻ 472074-3648) và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Bạch Thị Minh V phải nộp 7.602.093 đồng (Bảy triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm chín ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076540 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Hiểu